TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN BIÊN** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/DS-ST
Ngày 09-4-2024
"V/v tranh chấp HĐ tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tâm.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1- Bà Nguyễn Ngọc Duyên.

2- Bà Trần Thị Mộng Lành.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tăng Thị Điền, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia phiên toà.

Ngày 09 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 190/2023/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2023, về việc "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 31/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Số 22, Ngô Q, phường T, Quận H, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N. Chức vụ: Phó giám đốc Khối Quản lý và Tái Cấu trúc Tài sản. Theo giấy uỷ quyền số: 10772/UQ-PVB, ngày 10/6/2020.

Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Trịnh Quyền A. chức vụ: Chuyên viên QLKH. Theo giấy uỷ quyền số: 3035/UQ-PVB, ngày 11/8/2023.

Địa chỉ: Lầu 6, 131 Trần Hưng Đ, phường A, Quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2- Bị đơn: Bà Nguyễn Cẩm L, sinh ngày 15/10/1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp R, xã T.A, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng TMCP Đ trình bày và yêu cầu như sau: Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh Kiên Giang và bà Nguyễn Cẩm L có ký kết Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số: 1607/2021/HĐTD/PVB-CNKG, ngày 20/7/2021 như sau:

- Hợp đồng Thẻ tín dụng (thấu chi), số tiền Ngân hàng cho bà Nguyễn Cẩm L vay là 200.000.000đ. Hình thức vay: thấu chi; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay: là thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, các khoản phải trả và các mục đích tiêu dùng hợp pháp khác; lãi suất trong hạn là 16%/ năm, lãi suất quá hạn 24%/năm và được áp dụng theo công thức lãi suất cho vay = Lãi suất cơ sở + 7,5%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 26/4/2022 bà L đã trả được tiền gốc là 267.081đ và tiền lãi 24.748.674đ, còn lại số tiền nợ gốc 199.732.919đ. Tạm tính đến ngày 26/02/2024 bà L còn nợ tiền lãi trong hạn là 798.015đ; lãi trên gốc quá hạn là 88.212.998đ; lãi trên lãi quá hạn là 438.311đ, tổng cộng tiền lãi là 89.449.323đ. Như vậy, bà L còn nợ Ngân hàng tổng tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 26/02/2024 là 289.182.242đ.

- Hợp đồng tín dụng (Tính chấp): Hình thức vay: tín chấp, thời hạn vay 60 tháng, số tiền cho vay là 400.000.000đ; Lãi suất trong hạn 13%/năm, lãi suất quá hạn 21,75%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 01 lần và được áp dụng theo công thức: Lãi suất cho vay = lãi suất cơ sở + 4.5%/ năm; Mục đích cho vay: Vay tiêu dùng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà L đã thanh toán được đến ngày 25/3/2022 số tiền gốc 54.800.000đ, tiền lãi được 30.576.753đ. Còn lại tiền gốc chưa thanh toán là 345.200.000đ, tiền lãi tạm tính đến ngày 26/02/2024 tổng cộng là 120.883.928đ (gồm lãi gốc trong hạn là 195.400.000đ, lãi gốc quá hạn 149.800.000đ, lãi trong hạn là 2.483.989đ, lãi quá hạn 76.258.351đ). Tổng tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/02/2024 là 466.083.928đ.

Nay Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Cẩm L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ 02 hợp đồng tính dụng tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/02/2024 là 755.266.170đ. Trong đó, khoản thấu chi tiền gốc là 199.732.919đ, tiền lãi 89.449.323đ và khoản vay tín chấp còn tiền gốc 345.200.000đ, tiền lãi 120.883.928đ.

Yêu cầu bà Nguyễn Cẩm L phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 26/02/2024 theo mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Giấy đề nghị

cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số: 1607/2021/HĐTD/PVB-CNKG ngày 20/7/2021 cho đến khi bà Nguyễn Cẩm L thanh toán xong các khoản nợ.

Nếu bà Nguyễn Cẩm L không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản và nguồn thu hợp pháp của bà Nguyễn Cẩm L theo Giấy đề nghị cấp tín dụng, đề nghị phát hành thẻ tín dụng kiêm hợp đồng tín dụng số: 1607/2021/HĐTD/PVB-CNKG ngày 20/7/2021.

Bị đơn bà Nguyễn Cẩm L trình bày như sau: Bà L thừa nhận vào ngày 20/7/2021 bà có vay tiền của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Kiên Giang 02 khoản vay đúng như đại diện Ngân hàng TMCP Đ trình bày nêu trên. Cụ thể như sau:

- Khoản vay thứ nhất: Hình thức vay thấu chi, số tiền gốc vay 200.000.000đ, đã thanh toán cho Ngân hàng tiền gốc là 267.081đ, hiện tại bà còn nợ lại Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc đối với khoản vay này là 199.732.919đ, tiền lãi tính đến 26/02/2024 là 89.449.323đ chưa thanh toán.

- Khoản vay thứ hai: Hình thức vay tín chấp, số tiền vay là 400.000.000đ, đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền gốc là 54.800.000đ, tiền lãi tính đến ngày 26/02/2024 là 120.883.928đ chưa thanh toán.

Tổng cộng 02 khoản vay bà còn nợ lại Ngân hàng TMCP Đ tính đến ngày 26/02/2024 tổng số tiền gốc và lãi 755.266.170đ là đúng sự thật. Tuy nhiên, do hoàn cảnh khó khăn hiện tại bà đã có nghỉ việc bà không còn làm Hiệu trưởng tại Trường Mầm non xã Hưng Yên nữa và đang thất nghiệp không có việc làm ổn định, do đó bà xin trả dần mỗi tháng trả 2.000.000đ tiền gốc và xin Ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi cho 02 khoản vay trên.

Tại phiên toà hôn nay, đại diện Ngân hàng TMCP Đ trình bày, yêu cầu như sau: Vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu bà Nguyễn Cẩm L trả cho Ngân hàng TMCP Đ như sau:

Hợp đồng Thẻ tín dụng (thấu chi) số: 1607/2021/HĐTD/PVB-CNKG, ngày 20/7/2021 tiền gốc 200.000.000đ, đã trả còn lại 199.732.919đ và tiền lãi tính từ ngày 26/4/2022 đến ngày 09/4/2024 tổng cộng tiền là 93.860.241đ.

Bà L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ khoản vay thẻ tín dụng tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 293.712.965đ.

Hợp đồng tín chấp (trả góp) số: 1607/2021/HĐTD/PVB-CNKG, ngày 20/7/2021 tiền gốc 400.000.000đ, đã trả còn lại là 345.200.000đ, tiền lãi tính cụ thể như sau:

+ Lãi suất trong hạn tính từ ngày 25/3/2024 đến ngày 09/4/2024 là 1.085.712đ.

+ Lãi suất quá hạn tính từ ngày 25/3/2022 đến ngày 09/4/2024 là 38.152.000đ.

+ Lãi suất chậm trả tính từ ngày 25/12/2021 đến ngày 09/4/2024 là 8.991.365đ. Tổng cộng tiền lãi là 129.072.473đ.

Bà L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ khoản vay tín chấp tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 474.272.473đ.

Như vậy, buộc bà L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày xét xử ngày 09/4/2024 tổng cộng tiền gốc và lãi là 767.985.438đ. Trong đó, khoản thấu chi tiền gốc là 199.732.919đ, tiền lãi 93.860.241đ. và khoản vay tín chấp tiền gốc 345.200.000đ, tiền lãi là 129.072.473đ.

Tại phiên toà hôm nay, bà Nguyễn Cẩm L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn đối nội dung về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" và bị đơn có nơi cư trú trên địa phận hành chính của huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và các điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Phần thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn bà Nguyễn Cẩm L đã được tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Cẩm L.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy, yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ về tranh chấp hợp đồng tín dụng là có cơ sở. Bởi vì, đại diện Ngân hàng TMCP Đ và bà Nguyễn Cẩm L đã thừa nhận, thống nhất là bà L có ký hợp đồng tín dụng để vay tiền cụ thể như sau:

Hợp đồng Thẻ tín dụng (thấu chi) số: 1607/2021/HĐTD/PVB-CNKG ngày 20/7/2021, bà Nguyễn Cẩm L vay số tiền là 200.000.000đ. Hình thức vay: thấu chi; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay: là thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ, các khoản phải trả và các mục đích tiêu dùng hợp pháp khác; lãi suất thấu chi trong hạn là 16%/ năm, lãi suất quá hạn 24%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 26/4/2022 bà L đã trả được tiền gốc là 267.081đ và trả tiền lãi

24.748.674đ, còn lại số tiền gốc là 199.732.919đ và lãi suất phát sinh từ đó cho đến nay bà L không thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ nữa.

Hiện nay, bà L còn nợ Ngân hàng TMCP Đ khoản vay thẻ thấu chi số tiền gốc là 199.732.919đ và tiền lãi tính từ ngày 26/4/2022 đến ngày 09/4/2024 tổng cộng tiền là 93.860.241đ. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 293.712.965đ.

Hợp đồng tín chấp (trả góp)) số: 1607/2021/HĐTD/PVB-CNKG ngày 20/7/2021: Hình thức vay: tín chấp, thời hạn vay 60 tháng, số tiền cho vay 400.000.000đ; Lãi suất trong hạn 13%/năm, lãi suất quá hạn 21,75%/năm, lãi suất chậm trả 10%/năm; Mục đích cho vay: Vay tiêu dùng; Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 28/12/2023 bà L đã thanh toán được số tiền gốc 54.800.000đ và tiền lãi được là 30.576.753đ, còn lại tiền gốc là 345.200.000đ,và lãi phát sinh từ đó cho đến nay bà L không thực hiện trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ nữa.

Hiện nay, bà L còn nợ Ngân hàng TMCP Đ khoản vay tín chấp số tiền gốc là 345.200.000đ và tiền lãi tính từ ngày 25/3/2022 đến ngày 09/4/2024 số tiền là 129.072.473đ.

Như vậy, bà L còn phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ của 02 hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày xét xử ngày 09/4/2024 tổng cộng tiền gốc và lãi là 767.985.438đ. Trong đó, khoản thấu chi tiền gốc là 199.732.919đ, tiền lãi 93.860.241đ. và khoản vay tín chấp tiền gốc 345.200.000đ, tiền lãi là 129.072.473đ.

Xét về yêu cầu của bà Nguyễn Cẩm L xin trả dần số tiền gốc còn lại mỗi tháng 2.000.000đ và xin toàn bộ các khoản lãi không phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, số tiền vay mà bà L đang còn nợ quá nhiều mà bà L xin trả 2.000.00đ/tháng quá ít sẽ kéo dài thời gian trả nợ và việc Ngân hàng cho vay là mục đích kinh doanh nên việc tính lãi theo hợp đồng đã ký là phù hợp với quy định của pháp luật, do đó bà L phải trả lãi cho Ngân hàng TMCP Đ theo hợp đồng đã ký.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu Ngân hàng TMCP Đ về tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc chị Nguyễn Cẩm L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ 02 hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 09/4/2024 tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi là 767.985.438đ. Trong đó, khoản thấu chi số tiền gốc là 199.732.919đ, tiền lãi 93.860.241đ và khoản vay tín chấp số tiền gốc là 345.200.000đ, tiền lãi 129.072.473đ.

Và còn phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng đã ký

số: 1607/2021/HĐTD/PVB-CNKG ngày 20/7/2021, kể từ ngày 10/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Cẩm L không trả hoặc trả không đủ số tiền cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ được chấp nhận nên bà Nguyễn Cẩm L phải chịu tiền án phí là (Mức từ trên 400.000.000đ đến 800.000.000đ = 20.000.000đ) + (4% của phần giá trị tranh chấp vượt 400.000.000đ là 367.985.438đ x 4%) = 14.719.417đ (tròn số 14.719.000đ) = 34.719.000đ, nhưng bà Nguyễn Cẩm L có đơn xin giãm tiền án phí do gia đình gặp sự kiện bị bất khả kháng không còn khả năng thanh toán nợ và nộp tiền án phí theo quy định. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giãm tiền án phí cho bà L 50%. Như vậy bà L còn phải chịu tiền án phí là 17.359.500đ.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.650.000đ, theo lai thu số: 0009040 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thị hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, Điều 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, được sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu Ngân hàng TMCP Đ về tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Nguyễn Cẩm L.

Buộc chị Nguyễn Cẩm L phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ theo 02 hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 09/4/2024 tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi là 767.985.438đ (bảy trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi tám đồng). Trong đó, khoản thấu chi số tiền gốc là 199.732.919đ (một trăm chín mươi chín triệu bảy trăm ba mươi hai ngàn chín trăm mười chín đồng), tiền lãi là 93.860.241đ (chín mươi ba triệu tám trăm sáu mươi ngàn hai trăm bốn mươi mốt đồng) và khoản vay tín chấp số tiền gốc là 345.200.000đ (ba trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng), tiền lãi là 129.072.473đ (một trăm hai mươi chín triệu không trăm bảy mươi hai ngàn bốn trăm bảy mươi ba đồng).

Và còn phải tiếp tục trả lãi suất phát sinh theo 02 hợp đồng tín dụng đã ký số: 1607/2021/HĐTD/PVB-CNKG ngày 20/7/2021, kể từ ngày 10/4/2024 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Cẩm L không trả hoặc trả không đủ số tiền cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

2- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Cẩm L phải chịu tiền án phí là 34.719.000đ (ba mươi bốn triệu bảy trăm mười chín ngàn đồng), nhưng bà Nguyễn Cẩm L có đơn xin giãm tiền án phí do gia đình gặp sự kiện bất khả kháng không có tài sản để nộp tiền án phí, có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận giãm tiền án phí cho bà L 50%. Như vậy bà L còn phải chịu tiền án phí là 17.359.500đ (mười bảy triệu ba trăm năm mươi chín ngàn năm trăm đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.650.000đ (mười ba triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), theo lai thu số: 0009040 ngày 27/11/2023 của Chi cục Thị hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3- Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho Ngân hàng TMCP Đ biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09/01/2024). Đối với bà L vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- VP ĐKĐĐ huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu V. phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký và đóng dấu

Phạm Thanh Tâm